TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/9/2017
Ngày: 19-9-2017
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

- Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

Trong các ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng A, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2017, quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lê Hoàng A trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Võ Thị T qua tìm hiểu, quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn, sống chung lúc đầu rất hạnh phúc nhưng đầu năm 2017 thì chị T đi buôn bán ở chợ Tịnh Biên và có nhiều mối quan hệ bạn bè, thường xuyên đi ăn nhậu, anh nhiều lần khuyên can nhưng vợ không nghe, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị Võ Thị T.

Về con chung: tên Võ Thị N, sinh ngày 19/6/2016, hiện do chị T đang nuôi dưỡng, khi ly hôn anh đồng ý để vợ nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Tại lời khai ngày 28/8/2017, bị đơn chị Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị thống nhất về thời gian tiến đến hôn nhân, đến nay không có đăng ký kết hôn là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh A ngày nào cũng đi chơi, nhậu với bạn bè, không phụ giúp tiền nuôi con. Chị và anh A sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, xét thấy tình cảm không hàn gắn được. Nay anh A xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung tên Võ Thị N, sinh ngày 19/6/2016, hiện do chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục quyền nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh A cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con tôi đủ 18 tuổi.

Về Tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Hoàng A vẫn giữ ngyễn yêu cầu và không giao nộp tài liệu chứng cứ gì thêm; bị đơn chị Võ Thị T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và đơn xác nhận tình trạng nơi cư trú thì bị đơn chị Võ Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoàng A và chị Võ Thị T kết hôn và chung sống như vợ chồng năm 2016, không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình nên trường hợp này anh A, chị T có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu

cầu ly hôn của anh A mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của anh A và chị T.

[3.2] Về con chung: Anh A và chị T có một đứa con chung tên Võ Thị N, sinh ngày 19/6/2016. Cháu N dưới 36 tháng tuổi, anh A và chị T thống nhất thỏa thuận giao cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận này.

- Anh Lê Hoàng A không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

- Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện và sự thỏa thuận của anh A và **c**hị T, mỗi tháng anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2017.

[3.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: anh A và chị T cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Lê Hoàng A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng).

Chị Võ Thị T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Lê Hoàng A và chị Võ Thị T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị T được quyền nuôi con chung tên Võ Thị Ngọc Ngà, sinh ngày 19/6/2016.

- Anh Lê Hoàng A không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

- Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Hoàng A cấp dưỡng nuôi con chung (Võ Thị Ngọc Ngà) mỗi tháng là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi con trưởng thành, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 9 năm 2017.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Hoàng A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0015778 ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Anh Lê Hoàng Ẩn phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng chị Võ Thị T thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIHÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Nam Phú

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- THA huyện (1)
- Tòa án tỉnh (2);
- Lưu vp, hs (2)